TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/HNGĐ–ST
Ngày: 29/08/2019
V/v "Tranh chấp ly hôn-cấp dưỡng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn PH

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Hoàng Mai.

2. Ông Phạm Ngọc Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 08 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2018/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn - cấp dưỡng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 07 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Từ Công M(tên gọi khác là T), sinh năm 1968, cư trú: số 134/5A, tổ 22, khóm ĐA 2, phường MX, thành phố LX, tỉnh AG (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1972, cư trú: 134/5A, tổ 22, khóm ĐA2, phường MX, thành phố LX, tỉnh AG, địa chỉ liên lạc hiện nay: số 37/7, khóm ĐT, phường MT, thành phố LX, tỉnh AG (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Em Từ Thế K, sinh ngày 06/05/2000, cư trú: số 37/7, khóm ĐT, phường MT, thành phố LX, tỉnh AG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai cùng ngày 21 tháng 08 năm 2017, trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Từ Công M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông M và bà H do tìm hiểu quen biết nhau sau đó được gia đình hai bên chấp thuận tổ chức lễ cưới năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MX, thành phố LX, tỉnh AG, theo trích lục kết hôn bản sao số 546/TLKH-BS ngày 01 tháng 8 năm 2016, hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống. Nay, ông M không còn tình cảm vợ chồng với bà H, mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông M yêu cầu Tòa án xem xét

giải quyết cho ông được ly hôn với bà H. Đối với việc bà H yêu cầu đoàn tụ gia đình vì còn yêu H chồng con và bà H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không đến mức ly hôn nhưng bà H không thể hiện ý chí chăm lo chồng con, lời trình bày của bà H hoàn toàn không đúng sự thật, bản thân ông M đã chịu đựng bà H trong một thời gian dài nhưng vợ chồng sống không hạnh phúc nên không đồng ý đoàn tụ gia đình theo yêu cầu của bà H.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung ông Từ Công M và bà Nguyễn Thị Tuyết H có một con chung tên Từ Thế K, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2000 (nam). Ông M yêu cầu giao con chung cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông M cấp dưỡng nuôi con chung theo mức lương cơ bản theo quy định pháp luật. Nay con chung đã thành niên, đang là sinh viên tại trường Đại học Sài Gòn tại thành phố Hồ Chi M. Về chi phí ăn học do ông M thường xuyên gửi tiền cho con chung. Đối với việc bà H trình bày và yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng do bản thân con chung bệnh tật nhưng trong thời gian qua do ông M trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông M không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà H.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Thời gian sống chung vợ chồng với bà H giữa ông M và bà H có tài sản chung. Tuy nhiên, ông M yêu cầu được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu bà H có tranh chấp thì sẽ giải quyết sau.

Theo bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày: Bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của ông Từ Công M. Vì, giữa vợ chồng ông bà có mâu thuẫn nhưng không gì đáng kể phải dẫn đến việc ly hôn. Nguyên nhân, do ông M muốn trút bỏ trách nhiệm nuôi đứa con khuyết tật từ nhỏ nên trong đơn xin ly hôn, ông M đã không nói gì tới việc giữa vợ chồng có một con tên là Từ Thế K là người bị khuyết tật, không có khả năng lao động nuôi sống bản thân, sống phụ thuộc vào cha mẹ. Bà H yêu cầu ông M phải hiểu rõ trách nhiệm của một người cha, để cho con chung yên tâm học tập, thi tốt nghiệp và đại học. Bà H không ép ông M phải về chung sống với bà H, chỉ yêu cầu vợ chồng cùng nhau lo cho con, không ly hôn để giúp cháu K học xong đại học hoặc nghề, có khả năng làm việc, nuôi sống bản thân thì bà H đồng ý thuận tình ly hôn với ông M.

Về quan hệ con chung: Giữa ông Từ Công Mvà bà Nguyễn Thị Tuyết H có một con chung là Từ Thế K, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2000. Do con bị khuyết tật từ nhỏ, không tự chăm sóc bản thân, chi phí cho con ăn học sinh hoạt hàng tháng từ 15 đến 20 triệu đồng như: tiền ăn, tiền thuốc, tiền xe đi khám bệnh hàng tháng, tiền sữa, tiền tã giấy cho con do con không kiểm soát được việc tiêu, tiểu hằng ngày,...). Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, ông M yêu cầu ly hôn và giao con cho bà H trực tiếp nuôi dương nhưng chỉ cấp dưỡng theo luật định (khoảng 650.000đ/ tháng). Điều này đã thấy rõ việc ông M từ chối trách nhiệm của người cha đối với việc nuôi con khuyết tật, mất khả năng lao động và không có khả năng nuôi sống bản thân. Vì hoàn cảnh đặc biệt của con, để đảm bảo cuộc sống tối thiểu của con; Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M phải có trách nhiệm chu cấp cho con 5.000.000đ/tháng (năm triệu đồng mỗi tháng) cho dù bà H chưa đồng ý việc ly hôn.

Về quan hệ tài sản chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng giữa ông bà có tài sản chung nhưng không có tài sản gì đáng giá mà ông M trình bày là có tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết là không đúng sự thật. Bà H yêu cầu ông M xác định rõ ràng, tránh việc hiểu lầm là giữa vợ chồng có tài sản chung nhưng vì trốn tránh trách nhiệm nuôi con nên khai không có tài sản chung.

Về nợ chung: Trong thời gian từ lúc ông M bỏ bê gia đình, không chăm lo cho vợ con chu đáo như trước nên bà H phải vay mượn tiền thêm để lo tiền thuốc, tái khám cho con chung. Đây là nợ chung của vợ chồng, vì chưa đồng ý ly hôn theo yêu cầu xin ly hôn của ông M nên bà H chưa yêu cầu giải quyết nợ chung.

Theo bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án nhận ngày 19 tháng 04 năm 2019, em Từ Thế K trình bày, hiện nay em K đã trên 18 tuổi và đang là sinh viên lớp DQT 1183, ngành Quốc tế học, khoa Quan hệ quốc tế, thuộc trường đại học Sài Gòn tại thành phố Hồ Chí M, yêu cầu Tòa án không đưa em vào tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì em đã trên 18 tuổi và đang trong quá trình học. Mọi quyết định đều do cha mẹ em thực hiện, K hoàn toàn tuân theo mọi quyết định của cha mẹ là ông Từ Công Mvà bà Nguyễn Thị Tuyết H và Tòa án.

Tại phiên tòa: Ông Từ Công Myêu cầu ly hôn với bà H, không đồng ý đoàn tụ gia đình theo yêu cầu của bà H; về con chung tên Từ Thế K, tại thời điểm khởi kiện vụ án, cháu K chưa thành niên nên ông yêu cầu giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, con chung đã thành niên, có cuộc sống riêng và là sinh viên đại học; do đó ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung, cháu K bệnh tật từ nhỏ nên ông M tự nguyện cấp dưỡng cho cháu K 1.000.000đ/tháng đến khi con chung tự nuôi sống bản thân, không phụ thuộc vào cha mẹ. Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H, em K vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Ông M và bà H do tìm hiểu quen biết nhau sau đó được gia đình hai bên chấp thuận tổ chức lễ cưới năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, theo trích lục kết hôn bản sao số 546/TLKH-BS ngày 01 tháng 8 năm 2016, hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống. Nay ông M nhận thấy tình cảm vợ chồng ngày thêm trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân. Quá trình Tòa án giải quyết đã tạo điều kiện hòa giải nhưng ông M kiên quyết ly hôn với bà H. Xét, hiện tại quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà H không thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông M được ly hôn với bà H là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ông M và bà H có một con chung Từ Thế K, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2000. Con chung đã thành niên, trên 18 tuổi và là sinh viên đại học tại thành phố Hồ Chí M. Ông M đồng ý để cháu K sống chung với bà H. Về cấp dưỡng, ông M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng do con chung bệnh khuyết tật liệt hai chân từ nhỏ. Bà H yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng, xét thấy yêu cầu của bà H không được ông M đồng ý và không phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị không chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của ông M cấp dưỡng nuôi em K 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản và nợ chung không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho bà Nguyễn Thị Tuyết H và em Từ Thế K nhưng không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, em K.

[2] Hội đồng xét xử nhận định về vụ án: Ông M và bà H do tìm hiểu quen biết nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, theo trích lục kết hôn bản sao số 546/TLKH-BS ngày 01 tháng 8 năm 2016, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay, ông M và bà H phát sinh mâu thuẫn, ông M xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.1] Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống. Nay ông M nhận thấy tình cảm vợ chồng ngày thêm trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với bà H. Bà H yêu cầu đoàn tụ gia đình, vì mâu thuẫn vợ chồng không đáng kể phải dẫn đến ly hôn, bà H yêu cầu vợ chồng cùng chăm lo cho con học tập đến khi con chung đủ khả năng nuôi sống bản thân thì bà H thuận tình ly hôn với ông M.

[2.2] Xét, hôn nhân giữa ông M và bà H mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, ông M không còn tình cảm với bà H, không yêu tH, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo hạnh phúc gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không đến mức phải ly hôn nhưng bà không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Quá trình giải quyết theo quy định pháp luật và tại phiên tòa xét xử của Tòa án, bà H vắng mặt, bà không quan tâm hạnh phúc gia đình và chồng đã ly thân nhiều năm. Do đó, xét không có căn cứ xét yêu cầu của bà H nên chấp nhận yêu cầu của ông M được ly hôn với bà H.

[2.3] Về quan hệ con chung: Ông Từ Công Mvà bà Nguyễn Thị Tuyết H có một con chung tên Từ Thế K, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2000. Tại thời điểm khởi kiện, ông M đồng ý giao cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo mức lương cơ bản theo quy định pháp luật. Nay, em K đã thành niên, hiện là sinh viên tại trường Đại học Sài Gòn, thành phố Hồ Chí M đã được thể hiện theo bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án theo văn bản đến ngày 19 tháng 04 năm 2019 thể hiện em K không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với quyền và nghĩa vụ của em theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, ông M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng, bà H yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con chung ít nhất là 5.000.000đ/tháng. Xét yêu cầu của bà H không được ông M chấp nhận, vượt quá khả năng cấp dưỡng của ông M và quy định của pháp luật về cấp dưỡng nuôi con chung và cháu K không yêu cầu cha mẹ là ông M và bà H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, chấp nhận sự tự nguyện của ông M cấp dưỡng nuôi cháu K 1.000.000đ/tháng. Thời gian thực hiện từ ngày bản án có hiệu lực đến khi cháu K đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung theo ông M yêu cầu được tự thỏa thuận với bà H nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo bà H xác định giữa ông M và bà có tài sản chung nhưng không đáng giá nên không yêu cầu xem xét giải quyết do đó Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông M nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật và nộp tiền án phí đối với cấp dưỡng nuôi con chung. Bà H không nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 8, Điều 9, Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Khoản 5 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 5, Khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của ông Từ Công Mđược ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết H.

Về quan hệ con chung: Ông Từ Công M và bà Nguyễn Thị Tuyết H có một con chung tên Từ Thế K, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2000. Con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Từ Công M về cấp dưỡng nuôi con chung tên Từ Thế K như sau: Ông Từ Công Mcấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng. Thời gian thực hiện từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung có khả năng lao động nuôi sống bản thân, có tài sản để tự nuôi bản thân, không phụ thuộc vào cha mẹ.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông Từ Công M và bà Nguyễn Thị Tuyết H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Từ Công M nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005027, ngày 02 tháng 03 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông Từ Công Mnộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Từ Công M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Tuyết H và em Từ Thế K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của bà H, em K.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND TPLX;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Phương